

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2018

**DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 15 TCN (9+3)
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP VĂN HÓA**

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	lớp học	Lý do
1	15003401	Hồ Minh Đức	Nam	25/02/2000	15TC-Đ	Nợ: Hóa học 1, Toán 2
2	15000386	Nguyễn Hùng Dũng	Nam	06/05/2000	15TC-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, 03 tháng Bảo hiểm y tế năm 2016, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-...
3	15000313	Phạm Thanh Hiền	Nam	20/10/2000	15TC-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Vật Lý 1, Hóa học 1, Hóa học 2, Toán 2, Ngữ Văn 2, Vật Lý 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Toán 4, Hóa học 4,
4	15000273	Trương Quang Huy	Nam	11/06/2000	15TC-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Giấy thi, giấy nhập,...
5	15001817	Nguyễn Sĩ Nguyên	Nam	19/03/2000	15TC-Đ	Nợ: Toán 3
6	15000095	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	07/08/2000	15TC-Đ	Nợ: Ngữ Văn 1, Vật Lý 1, Hóa học 1, Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Ngữ Văn 2, Vật Lý 2, Hóa học 3, Vật Lý 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4, Toán 4, Hóa học 4,
7	15000105	Đinh Trần Quang Trung	Nam	08/02/2000	15TC-Đ	Nợ: Hóa học 1

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Lý do
8	15000256	Phạm Ngọc Sang	Nam	13/05/1998	15TC-NL	Nợ: Công nợ học lại, Toán 1, Vật Lý 2, Toán 2, Hóa học 2, Hóa học 3, Toán 3, Hóa học 1, Toán 4, Hóa học 4,
9	15000311	Bành Thanh Tân	Nam	24/03/1997	15TC-NL	Nợ: Công nợ học lại, Hóa học 3, Hóa học 1, Ngữ Văn 4, Toán 4, Hóa học 4,
10	15000146	Nguyễn Phúc Tấn	Nam	04/05/2000	15TC-NL	Nợ: Công nợ học lại, Hóa học 3, Toán 3, Hóa học 1, Toán 4, Hóa học 4,
11	15000400	Hồng Bảo Ân	Nam	9/7/2000	15TC-Ô	Nợ: Toán 1, Hóa học 3, Toán 3, Ngữ Văn 3, Hóa học 4,
12	15002470	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	20/11/1999	15TC-Ô	Nợ: Toán 1, Toán 2, Toán 3, Toán 4,
13	15000171	Đỗ Khắc Huy	Nam	11/8/2000	15TC-Ô	Nợ: Vật Lý 2, Toán 3,
14	15001127	Lê Minh Phú	Nam	28/07/1997	15TC-Ô	Nợ: Toán 3, Hóa học 4,
15	15000242	Đặng Trần Quyền	Nam	11/11/2000	15TC-Ô	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 1, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3, Ngữ Văn 4, Toán 4, Hóa học 4,
16	15000196	Nguyễn Gia Thuận	Nam	4/8/2000	15TC-Ô	Nợ: Ngữ Văn 1, Toán 1, Hóa học 2, Toán 2, Hóa học 3, Toán 3,
17	15000322	Trần Lê Văn Trường	Nam	15/03/2000	15TC-Ô	Nợ: Toán 2, Hóa học 3, Toán 3,
18	15000753	Nguyễn Quốc Cường	Nam	30/10/2000	15TC-QTM	Nợ: Toán 1, Vật Lý 2, Hóa học 3, Ngữ Văn 3, Ngữ Văn 4, Vật Lý 4, Hóa học 4, Toán 4,
19	15001324	Nguyễn Xuân Dũng	Nam	11/11/2000	15TC-QTM	Nợ: Toán 4,
20	15000268	Trương Lê Anh Khoa	Nam	12/05/2000	15TC-QTM	Nợ: Hóa học 1, Toán 1, Toán 2, Hóa học 3, Hóa học 4, Toán 4,
21	15000605	Trần Tiến Lợi	Nam	23/04/2000	15TC-QTM	Nợ: Toán 4,
22	15003402	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	Nữ	15/12/1999	15TC-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2/2016-2017, Học phí Học kỳ 1/2017-2018, Công nợ học lại, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế (01/01/2018-31/12/2018), Giấy thi, giấy nháp....

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	lớp học	Lý do
23	15000045	Nguyễn Thanh Đức	Nam	28/07/1999	15TC-QTM	Nợ: Hóa học 1, Ngữ Văn 1, Vật Lý 2, Hóa học 4, Toán 4, Hóa học 2, Toán 2, Toán 1, Toán 3,
24	15002175	Nguyễn Lê Minh	Nam	26/10/2000	15TC-QTM	Nợ: Hóa học 1, Ngữ Văn 1, Toán 2, Hóa học 2, Hóa học 3, Ngữ Văn 4, Hóa học 4, Toán 4,
25	15001775	Nguyễn Tiến Quốc	Nam	22/05/2000	15TC-QTM	Nợ: Hóa học 3, Toán 4,
26	15000293	Châu Đình Hải	Nữ	16/08/2000	15TC-QTM	Nợ: Ngữ Văn 2, Hóa học 2, Hóa học 3, Ngữ Văn 3, Toán 4,
27	15000169	Huỳnh Cẩm Vân	Nữ	18/11/2000	15TC-QTM	Nợ: Hóa học 1, Vật Lý 1, Toán 1, Toán 2, Hóa học 3, Ngữ Văn 3, Toán 4, Toán 3,

Tổng cộng danh sách có 27 học sinh

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhuận

Ký. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ